

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1052/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thành Danh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồi.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: 309/5T ấp Tam Đông 2, xã T, huyện M, Tp.H.

Bị đơn: Ông Võ Tiến T, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: 309/5T ấp Tam Đông 2, xã T, huyện M, Tp.H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Bà T và ông Võ Tiến T tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới, chúng tôi có đăng ký kết hôn ngày 14/4/1997 tại UBND xã Trung Nghĩa, Tp.Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn chăm lo cho vợ, con mà thường xuyên nhậu nhẹt, ăn

chơi, phá tán tài sản của gia đình. Kinh tế gia đình do một mình bà T đứng ra lo liệu nhưng ông T không biết cảm thông, chia sẻ mà còn lén lút lấy tiền đi đánh bài. Bà T và các con đã nhiều lần khuyên nhủ, tạo cơ hội nhưng ông T vẫn không sửa đổi bản thân. Bà T đã từng nộp đơn ly hôn lên Tòa nhưng khi Tòa án mời thì ông T né tránh. Vì được Tòa án khuyên giải và muốn cho ông T cơ hội nên bà T đã rút đơn về hàn gắn gia đình nhưng ông T vẫn tính nào tật đó nên bà T không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông T.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân bà T không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông T. Do đó, bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Võ Tiến T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Tài Ninh, sinh ngày 14/4/1999, Vũ Thị Mai, sinh ngày 10/4/2007. Con chung Vũ Tài Ninh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng bé Mai và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Trong Biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Tiến T trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông T và bà T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Nghĩa, Tp. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên ngày 14/4/1997.

Sau khi kết hôn đến nay, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Do đó, ông T không đồng ý ly hôn với bà T vì ông không gây ra lỗi lầm gì. Ông T muốn giữ quan hệ hôn nhân vì còn tương lai con cái, vì không muốn gia đình hàng xóm bàn tán, làm xấu mặt con cái.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Tài Ninh, sinh ngày 14/4/1999, Vũ Thị Mai, sinh ngày 10/4/2007. Việc con chung sống với ai sẽ do con tự quyết định.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán T hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử T hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự T hiện quyền và nghĩa vụ

đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Võ Tiến T có địa chỉ tại 309/5T ấp Tam Đông 2, xã T, huyện M, Tp.H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của bà Trần Thị T, ông T và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì bà T và ông T đã chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, do xã Trung Nghĩa, Tp.Hung Yên, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 14/4/1997 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp.

Bà T trình bày Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn chăm lo cho vợ, con mà thường xuyên nhậu nhẹt, ăn chơi, phá tán tài sản của gia đình. Kinh tế gia đình do một mình bà T đứng ra lo liệu nhưng ông T không biết cảm thông, chia sẻ mà còn lén lút lấy tiền đi đánh bài. Bà T và các con đã nhiều lần khuyên nhủ, tạo cơ hội nhưng ông T vẫn không sửa đổi bản thân. Bà T đã từng nộp đơn ly hôn lên Tòa nhưng khi Tòa án mời thì ông T né tránh. Vì được Tòa án khuyên giải và muốn cho ông T cơ hội nên bà T đã rút đơn về hàn gắn gia đình nhưng ông T vẫn tính nào tật đó nên bà T không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn và cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Tuy nhiên ông cũng thừa nhận ông không còn tình cảm với bà T và muốn duy trì hôn nhân với bà T chỉ vì tương lai con cái, không muốn gia đình hàng xóm bàn tán, làm xấu mặt con cái. Tại phiên tòa, ông T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn về chuyện mua sắm, sang nhượng nhà đất.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình sống chung giữa hai bên T tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mâu thuẫn giữa bà T và ông T trầm trọng, cuộc sống chung T sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung tên Vũ Tài Ninh, sinh ngày 14/4/1999, Vũ Thị Mai, sinh ngày 10/4/2007. Con chung Vũ Tài Ninh đã trưởng

thành. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng bé Mai và không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại, bé Mai đang sống chung với bà T từ khi vợ chồng ly thân với nhau. Trong bản tự khai cũng như tại phiên tòa, ý chí của bé Mai là muốn sống chung với bà T khi ba mẹ ly hôn. Do đó, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng bé Mai và tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Hai bên đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Võ Tiến T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23, do xã Trung Nghĩa, Tp.Hung Yên, tỉnh Hưng Yên ngày 14/4/1997 cấp cho bà Trần Thị T và ông Võ Tiến T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Con chung Vũ Tài Ninh, sinh ngày 14/4/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung tên Vũ Thị Mai, sinh ngày 10/4/2007 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con đối với ông Võ Tiến T cho đến khi bà Trần Thị T có đơn yêu cầu.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng

nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Hai bên đương sự khai không có.

4. Về Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0074816 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành án tại Cơ quan Thi Hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM
- Chi cục THADS H. Hóc Môn
- VKSND H. Hóc Môn;
- UBND xã Trung Nghĩa, Tp.Hung Yên, tỉnh Hưng Yên;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lý Thành Danh